

112 學年度第 1 學期 南開科技大學 科技學院 自動化工程系國際產學專班

每週上課時間表

實際上課起訖日期 Thời gian áp dụng Thời khóa biểu :112 年 09 月 11 日~113 年 01 月 14 日

TW 時間 Giờ Đài Loan	VN 時間 Giờ Việt Nam	週一 Thứ 2	週二 Thứ 3	週三 Thứ 4	週四 Thứ 5	週五 Thứ 6	週六 Thứ 7
第一節課 08:20-9:10	Tiết 1 7:20-8:10	計算機應用 (Jì suàn jī yīng yòng) Ứng dụng máy tính 李孟度 Giáo viên Lý mệnh dù I301 Phòng học I301	電腦輔助繪圖 (Diàn não fǔ zhù huì tú) Đồ họa trên máy vi tính 林哲平 Giáo viên Lín Zhé Píng E420 Phòng máy tính E420	法治教育 (Fǎ zhì jiào yù) Giáo dục pháp luật 陳金妙 Giáo viên Chén Jīn Miào 教學 D212 Phòng học D212			
第二節課 09:20-10:10	Tiết 2 08:20-9:10	計算機應用 (Jì suàn jī yīng yòng) Ứng dụng máy tính 李孟度 Giáo viên Lý mệnh dù I301 Phòng học I301	電腦輔助繪圖 (Diàn não fǔ zhù huì tú) Đồ họa trên máy vi tính 林哲平 Giáo viên Lín Zhé Píng E420 Phòng máy tính E420	法治教育 (Fǎ zhì jiào yù) Giáo dục pháp luật 陳金妙 Giáo viên Chén Jīn Miào 教學 D212 Phòng học D212			
第三節課 10:20-11:10	Tiết 3 9:20-10:10	計算機應用 (Jì suàn jī yīng yòng) Ứng dụng máy tính 李孟度 Giáo viên Lý Mệnh Dù I301 Phòng học I301	電腦輔助繪圖 (Diàn não fǔ zhù huì tú) Đồ họa trên máy vi tính 林哲平 Giáo viên Lín Zhé Píng E420 Phòng máy tính E420	體育(一) Tǐ yù (yī) Thể dục (1) 李政道 Giáo viên Lí Zheng Đạo 籃球場(宿舍旁) Sân bóng rổ (Cạnh ký túc xá)			
第四節課 11:20-12:10	Tiết 4 10:20-11:10	產業概論(一) (Chǎn yè gài lùn (yī)) Giới thiệu ngành (1) 柯嘉南 Giáo viên Kē Jiā Nán 教學 D212 Phòng học D212		體育(一) Tǐ yù (yī) Thể dục (1) 李政道 Giáo viên Lí Zheng Đạo 籃球場(宿舍旁) Sân bóng rổ (Cạnh ký túc xá)			
午休時間 Thời gian nghỉ ngơi							
第五節課 13:00-13:50	Tiết 5 12:00-12:50	台灣社會與生活 (Tái wān shè huì yǔ shēng huó) Xã hội và cuộc sống Đài Loan 陳素珠 Giáo viên Chén Sù Zhū 教學 D212 Phòng họcD212	華語聽力會話練習(一) (Huá yǔ tīng lì huì huà liàn xí) Luyện nghe tiếng Trung (1) 李鈺媛 Giáo viên Lǐ Yù Yuàn 教學 D207 Phòng họcD207	華語聽力會話練習(一) (Huá yǔ tīng lì huì huà liàn xí) Luyện nghe tiếng Trung (1) 李鈺媛 Giáo viên Lǐ Yù Yuàn 教學 D207 Phòng họcD207			
第六節課 14:00-14:50	Tiết 6 13:00-13:50	台灣社會與生活 (Tái wān shè huì yǔ shēng huó) Xã hội và cuộc sống Đài Loan 陳素珠 Giáo viên Chén Sù Zhū 教學 D212 Phòng họcD212	華語聽力會話練習(一) (Huá yǔ tīng lì huì huà liàn xí) Luyện nghe tiếng Trung (1) 李鈺媛 Giáo viên Lǐ Yù Yuàn 教學 D207 Phòng họcD207	華語聽力會話練習(一) (Huá yǔ tīng lì huì huà liàn xí) Luyện nghe tiếng Trung (1) 李鈺媛 Giáo viên Lǐ Yù Yuàn 教學 D207 Phòng họcD207			

TW 時間 Giờ Đài Loan	VN 時間 Giờ Việt Nam	週一 Thứ 2	週二 Thứ 3	週三 Thứ 4	週四 Thứ 5	週五 Thứ 6	週六 Thứ 7
第七節課 15:00-15:50	Tiết 7 14:00-14:50	產業概論(一) (Chǎn yè gài lùn (yī)) Giới thiệu ngành (1) 柯嘉南 Giáo viên Kē Jiā Nán 教學 D212 Phòng học D212	初級華語測驗練習 (Chū jí huá yǔ cè yàn liàn xí) Luyện thi tiếng Trung sơ cấp 陳詩瑩 Giáo viên Chén Shī Yíng 教學 D213 Phòng họcD213	初級華語測驗練習 (Chū jí huá yǔ cè yàn liàn xí) Luyện thi tiếng Trung sơ cấp 陳詩瑩 Giáo viên Chén Shī Yíng 教學 D213 Phòng họcD213			
第八節課 16:00-16:50	Tiết 8 15:00-15:50	產業概論(一) (Chǎn yè gài lùn (yī)) Giới thiệu ngành (1) 柯嘉南 Giáo viên Kē Jiā Nán 教學 D212 Phòng học D212	初級華語測驗練習 (Chū jí huá yǔ cè yàn liàn xí) Luyện thi tiếng Trung sơ cấp 陳詩瑩 Giáo viên Chén Shī Yíng 教學 D213 Phòng họcD213	初級華語測驗練習 (Chū jí huá yǔ cè yàn liàn xí) Luyện thi tiếng Trung sơ cấp 陳詩瑩 Giáo viên Chén Shī Yíng 教學 D213 Phòng họcD213			
第九節課 17:00-17:50	Tiết 9 16:00-16:50		初級華語測驗練習 (Chū jí huá yǔ cè yàn liàn xí) Luyện thi tiếng Trung sơ cấp 陳詩瑩 Giáo viên Chén Shī Yíng 教學 D213 Phòng họcD213	初級華語測驗練習 (Chū jí huá yǔ cè yàn liàn xí) Luyện thi tiếng Trung sơ cấp 陳詩瑩 Giáo viên Chén Shī Yíng 教學 D213 Phòng họcD213			